

Số: 72 /2016/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2017,
năm đầu thời kỳ ôn định ngân sách 2017 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ - TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2016/NQ - HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ ba thông qua định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ôn định ngân sách 2017 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4670a/TTr - STC ngày 27/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức phân bổ chi ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ôn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước nêu trên là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của từng sở, ban, ngành, các đơn vị sử dụng ngân sách khối tỉnh, dự toán chi ngân sách của từng huyện, thị xã trực thuộc tỉnh (bao gồm cấp huyện và cấp xã). Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đến 30/9/2016.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quyết định số 72/2011/QĐ - UBNDN ngày 21 tháng 12 năm 2011 của

Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương kỳ ổn định ngân sách 2012 - 2015.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Thủ trưởng các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT;
- Cục KTVB (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT.HĐND, UBND tỉnh,
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trầm

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017,
NĂM ĐẦU THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2017 – 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 72 /2016/QĐ - UBND ngày 27/12/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I

**Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương
cho các sở, đơn vị trực thuộc tỉnh.**

Điều 1. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể:

1. Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các Sở, ban, ngành và đơn vị sử dụng ngân sách:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Đơn vị	Định mức chi hoạt động
Nhóm I: đối với các đơn vị dự toán cấp I	20
Nhóm II: đối với các đơn vị trực thuộc các Sở, ban ngành, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức xã hội	15
Nhóm III: đối với hợp đồng 68	10

a) Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực.

- Kinh phí sửa chữa thường xuyên; kinh phí mua sắm công cụ dụng cụ, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo qui định.

b) Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất chung của các Sở, ban, ngành: Đóng niên liễm; kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi tổ chức Đại

hội toàn tỉnh, tham gia hội nghị toàn quốc; chi hoạt động của các Ban chỉ đạo, Ban điều phối, tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định hiện hành, chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở.

- Các khoản chi đặc thù khác mang tính chất riêng biệt của các cơ quan chưa được tính vào định mức phân bổ nêu trên.

2. Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

Trên cơ sở biên chế hành chính được cơ quan có thẩm giao và mức chi thường xuyên theo định mức phân bổ, khuyến khích các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi hành chính điều chỉnh tăng (giảm) theo khả năng ngân sách tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo phương án phân bổ chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

Điều 2. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục:

Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82% dự toán. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 18% dự toán (chưa loại trừ nguồn thu học phí).

Hàng năm trong kỳ ổn định ngân sách sẽ tính toán giảm dần số bổ sung theo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ) và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

Điều 3. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

1. Định mức theo chỉ tiêu sinh viên được phân bổ:

+ Hệ cao đẳng: 4,2 triệu đồng/sinh viên/năm.

+ Hệ trung cấp: 3,8 triệu đồng/sinh viên/năm.

+ Riêng đối với Trường Chính trị tỉnh phân bổ theo định mức biên chế.

Lưu ý: Số sinh viên, học sinh là số sinh viên, học sinh của tỉnh, tính theo số thực tế và trong chỉ tiêu tuyển sinh được cấp có thẩm quyền giao.

2. Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương, chế độ chính sách của học sinh, sinh viên.

Trong quá trình thực hiện định mức phân bổ trên đây, nếu có sự thay đổi về chế độ, chính sách và nguồn thu thì định mức phân bổ cho các trường sẽ được tiếp tục cân đối từ nguồn thu và phân bổ phù hợp với quy định và tình hình thực tế.

Điều 4. Định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp y tế:

1. Phân bổ theo chỉ tiêu giường bệnh và biên chế được giao (chưa loại trừ thu viện phí, lệ phí, thu khác theo chế độ):

Tuyến	Đơn vị tính	Định mức
- Tuyến tỉnh:		
+ Bệnh viện Đa khoa	triệu đồng/giường bệnh	88
+ Bệnh viện Y học cổ truyền	triệu đồng/giường bệnh	72
- Tuyến huyện, thị xã:	triệu đồng/giường bệnh	72

2. Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị y tế trên cơ sở yêu cầu của các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu viện phí, phí, và nguồn khác của đơn vị.

3. Hàng năm, trong kỳ ổn định ngân sách sẽ tính toán giảm dần số bổ sung theo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

Điều 5. Định mức chi cho các đơn vị sự nghiệp khác:

1. Định mức theo số biên chế được giao:

a) Định mức chi cho các đơn vị sự nghiệp là: 15 triệu đồng/biên chế/năm đối với những đơn vị được nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu căn cứ vào khả năng thu của đơn vị và khả năng cân đối từ nguồn thu sẽ giảm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách.

- Định mức chi hợp đồng 68 cho các đơn vị sự nghiệp là 10 triệu đồng/hợp đồng/năm.

(Định mức trên không áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo và y tế).

- Định mức phân bổ nêu trên không bao gồm chi lương và các khoản có tính chất lương, các khoản đóng góp theo lương.

2. Ngoài định mức chi theo số biên chế được giao, các đơn vị sự nghiệp còn được phân bổ một khoản chi nghiệp vụ tùy thuộc vào tính chất hoạt động của từng đơn vị.

Ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

Trong thời gian các Nghị định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực chưa được ban hành, các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính hiện hành qui định của Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Phân bổ chi thường xuyên các lĩnh vực chi sự nghiệp của ngân sách tỉnh theo nguyên tắc sau:

Ngân sách nhà nước giảm chi thường xuyên cho các cơ sở sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công lập.

Kinh phí tiết kiệm được để tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công lập, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo Đề án được cấp có thẩm quyền quyết định, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi ngân sách thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi NSNN.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường:

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ và sự nghiệp môi trường được phân bổ theo các chương trình, đề án, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 7. Định mức chi sự nghiệp kinh tế khối tỉnh:

Dự toán chi hoạt động kinh tế khối tỉnh, phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ Điều 1 đến Điều 5) đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên.

Điều 8. Định mức chi khác ngân sách:

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên khối tỉnh đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách theo quy định.

Chương II

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các huyện, thị xã trực thuộc tỉnh.

Điều 9. Định mức chi sự nghiệp giáo dục:

1. Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, phụ cấp (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82% dự toán. Chi thực hiện nhiệm vụ giáo

dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 18% dự toán (chưa loại trừ nguồn thu học phí).

Hàng năm trong kỳ ổn định ngân sách sẽ tính toán giảm dần số bổ sung theo lộ trình thực hiện cơ chế tự chủ tại Nghị định số 16/2015/NĐ - CP của Chính phủ và các Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực.

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức hỗ trợ theo chế độ quy định gồm:

- a) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3-5 tuổi.
- b) Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.
- c) Kinh phí hỗ trợ học sinh phổ thông trung học vùng đặc biệt khó khăn.
- d) Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không bao gồm dân số từ 1 - 18 tuổi):

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	105.000

Điều 11. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế:

1. Định mức phân bổ:

Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 80% dự toán, hoạt động không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 20% dự toán.

2. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi được xác định trên cơ sở đối tượng do Tổng cục Thống kê công bố; mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

3. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo được xác định trên cơ sở số người nghèo năm 2016, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo, người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật, đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013

của Chính phủ được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

4. Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên được xác định trên cơ sở số đối tượng tham gia mua thẻ bảo hiểm y tế năm 2016, mức đóng hàng tháng được thực hiện theo chế độ quy định.

Điều 12. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội:

1. Định mức phân bổ theo biên chế: Được tính trên cơ sở bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 75% dự toán. Chi hoạt động thường xuyên không kể chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối thiểu 25% dự toán.

2. Các hội đặc thù, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành.

a) Định mức phân bổ như trên là cơ sở xác định tổng chi quản lý hành chính cho ngân sách cấp huyện, thị xã. Căn cứ tình hình thực tế địa phương tính toán, phân bổ cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo không thấp hơn tổng dự toán chi quản lý hành chính được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Các huyện, thị xã thực hiện tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

b) Dự toán chi các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định (từ năm 2018) đối với lĩnh vực chi quản lý hành chính được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ chi hành chính điều chỉnh tăng (giảm) theo khả năng ngân sách tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo phương án phân bổ chi ngân sách hàng năm của tỉnh.

3. Định mức chi hoạt động thường xuyên cho các xã, phường, thị trấn (không bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương) là 640 triệu đồng/xã, phường, thị trấn/năm.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	25.000

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	13.000

Điều 15. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	9.000

Điều 16. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

1. Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	31.000

2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

a) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội được tính trên cơ sở quyết định giao dự toán năm 2016 của cấp có thẩm quyền.

b) Bổ sung kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Kinh phí thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình: liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) vào ngày lễ, tết với mức 500.000 đồng/gia đình/năm do cấp huyện quản lý và đảm bảo theo phân cấp.

Điều 17. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	27.000

Riêng đối với các huyện biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 400 triệu đồng/xã biên giới. Đối với địa phương tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

Điều 18. Định mức phân bổ chi an ninh:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm.

Vùng	Định mức phân bổ cho cấp huyện, thị
Miền núi - Vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc	13.500

Riêng đối với các huyện biên giới được phân bổ thêm kinh phí với mức 300 triệu đồng/xã biên giới. Đối với địa phương tiếp giáp với 02 tỉnh nước bạn trở lên được phân bổ hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

Điều 19. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

1. Dự toán chi sự nghiệp kinh tế các huyện, thị xã được phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên các lĩnh vực chi (từ Điều 9 đến Điều 18 nêu trên).

2. Đối với các đô thị (thuộc tỉnh), được phân bổ thêm: 10.000 triệu đồng/đô thị loại III/năm; 6.000 triệu đồng/đô thị loại IV/năm; 3.000 triệu đồng/đô thị loại V/năm.

Điều 20. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường:

Dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ và sự nghiệp môi trường được phân bổ theo các chương trình, đề án, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 21. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của NSDP:

Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định từ Điều 9 đến Điều 20 như trên. Định mức này không bao gồm các khoản chi đặc thù, đột xuất được phân bổ theo từng nội dung công việc cụ thể.

Đối với các huyện, thị xã có dân số dưới 55.000 dân được tính tăng thêm 8% số chi theo định mức dân số nêu trên.

Điều 22. Định mức dự phòng ngân sách: Tỷ lệ dự phòng ngân sách các huyện, thị xã từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách.

Chương III **Phương pháp xác định một số tiêu chí phân bổ** **dự toán chi thường xuyên.**

Điều 23. Về dân số: Tỉnh Bình Phước là tỉnh miền núi dân số của 11 huyện, thị xã trong tỉnh được xếp vào tiêu chí dân số miền núi, vùng sâu. Số liệu

về chỉ tiêu dân số để tính định mức chi giai đoạn 2017 - 2020, được tính trên cơ sở số liệu do Cục Thống kê công bố.

Điều 24. Về định mức phân bổ: Các định mức phân bổ theo tiêu chí dân số được quy định nêu trên được áp dụng cho các huyện, thị xã làm cơ sở xây dựng dự toán.

Điều 25. Định mức phân bổ trên: đã bao gồm chi tiền lương, có tính chất lương theo quy định với mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

